TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **36/**2018/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 23 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2018/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" giữa người yêu cầu:

- Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1983 và anh Hoàng Minh S, sinh năm 1981; Cùng đăng ký hộ khẩu và cư trú: Căn hộ 1905 Tòa nhà Hỗn hợp số Nguyễn Công H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Chị Trần Thị Mỹ T và anh Hoàng Minh S có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (số 143; Quyển số: 01 -2007).

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Mỹ T và anh Hoàng Minh S

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung**:

Giao con chung là cháu **Hoàng Minh Q**, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 cho anh Sơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu **Hoàng Trang A**, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2015 và cháu **Hoàng Minh A**, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu Trang A và cháu Minh A cho chị T là 10.000.000 (Mười triệu) đồng/ tháng/ 02 con thời gian kể từ tháng 02/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Chị Trần Thị Mỹ T và anh Hoàng Minh S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung và nhà ở**:

- Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì;

- Về các khoản vay nợ: Hai bên không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

*** Về lệ phí sơ thẩm**: Chị Trần Thị Mỹ T tự nguyện nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 7987 ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Long